

Số: 117/2023/QĐST-HNGĐ

TP. Tuyên Quang, ngày 19 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 272/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa:

* *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ dân phố 19, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ dân phố 19, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn T có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 22/9/1983, Nguyễn Văn T, sinh ngày 17/12/1986 và Nguyễn Văn T (tên gọi khác là H), sinh ngày 21/5/1991. Hiện các con chung của bà Nga và ông Trường đều đã lập gia đình và tự lập, ông Trường và bà Nga không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn T đều xác nhận, vợ chồng có tài sản, đất đai nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ*: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn T đều xác nhận, vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Trần Thị N nhận chịu toàn bộ anh phí của vụ án là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng bà Trần Thị N đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0000611 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, bà Trần Thị N được trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Ông Nguyễn Văn T không phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn của vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND tp Tuyên Quang.

Vương Thị Lan